

Tiến trình giảng dạy

Kỳ I 23 (17,5/5,5/0)	Kỳ II 19 (14/3/2)	Kỳ III 22,5 (17,5/5/0)	Kỳ IV 20 (8/5/7)	Kỳ V 18 (7/3/8)	Kỳ VI 17 (5,5/3/8,5)	Kỳ VII 16 (4,5/3,5/8)	Kỳ VIII 19 (10/2/7)
Định hướng & SH đầu khoá	Tâm lý - Đạo đức y học (1,5/0,5/0)	Vận động học và sinh cơ học (1/1/0)	Nhập môn Lâm sàng PHCN (0/0/1)	Khoa học thần kinh (2/0/0)	Chẩn đoán hình ảnh (0,5/0/0,5)	Dinh dưỡng và khuyết tật (1/1/0)	Sức khỏe tâm thần (1/0/1)
Triết học Mác - Lê nin (3/0/0)	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (2/0/0)	Quá trình phát triển con người (2/0/0)	Lượng giá chức năng (1/1/0)	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ (1/0,5/0,5)	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe(1/1/0)	Tổ chức và quản lý y tế (1,5/0,5)	Y học cổ truyền (1/0/1)
Lý sinh y học (1,5/0,5/0)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2/0/0)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2/0/0)	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu (1/1/0)	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ tim mạch - hô hấp (1/0,5/0,5)	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da, tiết niệu - sinh dục và nội tiết (1/1/0)	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (1/1/0)	
Giải phẫu (2/1/0)	Hoá sinh (1/1/0)	Lịch sử Đảng (2/0/0)					
Ngoại ngữ 1 (3/0/0)	Ngoại ngữ 2 (2/0/0)	Ngoại ngữ 3 (2/0/0)	Triệu chứng học Nội khoa (1/0/1)	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương (1/0,5/0,5)	Nhà nước và Pháp luật (2/0/0)	Thực tập cộng đồng (0/0/2)	
Tin học cơ bản (1/1/0)	Xác suất – Thống kê y học (2/0/0)	Dịch tễ học (2/0/0)	Nghiên cứu khoa học (1/1/0)	Hoạt động trị liệu (1/0,5/0,5)	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN (1/1/0)	Kỹ thuật tạo thuận cảm thụ bản thể thần kinh cơ (PNF) (1/1/0)	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp (2/2/0)
Y sinh học và Di truyền (1/0,5)	Sinh lý học (2,5/0,5/0)	Giải phẫu chức năng (2/2/0)	Triệu chứng học Ngoại khoa (1/0/1)	Ngôn ngữ trị liệu (1/1/0)			Thực tế tốt nghiệp (0/5/0)
Giáo dục quốc phòng (6/2,5)	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu (1/1/0)	Bệnh học di truyền (1/0,5/0)	Các kỹ thuật tác động bằng tay (1/1/0)	Tự chọn 1 (2)	Tự chọn 2 (2)	Tự chọn 4 (2)	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp (6/0/0)
		Sinh lý bệnh - Miễn dịch (1,5/0,5/0)	Vận động trị liệu (1/1/0)		Tự chọn 3 (2)		
		Dược lý (2/0/0)	TTLS 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu (0/0/4)	TTLS 2: Hoạt động trị liệu và ngôn ngữ trị liệu (0/0/4)	TTLS 3: Bệnh lý và VLTL hệ Cơ xương và hệ Tim mạch - hô hấp (0/0/4)	TTLS 4: Bệnh lý và LVTL Hệ Thần kinh – cơ và Hệ Da - Tiết niệu/tiêu hoá - Nội tiết - Sinh dục (0/0/4)	
	Giáo dục thể chất 1,2 (0/2/0)	Giáo dục thể chất 3 (0/1/0)	Y học thể dục thể thao (1/0/0)				
				Ghi chú Kiến thức giáo dục đại cương Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành và chuyên ngành Tốt nghiệp			